

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không Tập 140

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm sáu mươi hai, dòng thứ tư.

“Bảo sát trang nghiêm, tập tự Tổng dịch. Thượng hữu diện sắc viên mãn từ tự” (“Bảo sát trang nghiêm”: Câu này được hội tập từ bản Tổng dịch, phía trước câu này có bốn chữ “sắc mặt viên mãn”). Câu kinh văn này đọc như sau: “Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm”. “Biểu Phật diện dung sở phóng diệu quang minh trung, ánh hiện thập phương Phật độ chi trang nghiêm bảo sát” (ý nói: Trong quang minh vi diệu phóng ra từ khuôn mặt đức Phật, hiện bóng cõi nước báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật).

Tiếp đó là: “Sát giả, Pháp Hoa Văn Cú Ký nhị” (Sát: Theo quyển hai sách Pháp Hoa Văn Cú Ký), đây là cuốn thứ hai, “viết: Thử vân Điền” (giảng: “Cõi này nói là Điền”). “Thử” là Trung Hoa, chữ Sát (刹) được dịch sang nghĩa tiếng Hán là Điền Địa (田地). “Tức nhất Phật sở vương thổ dã. Cố tri Sát tức Phật độ, Phật quốc chi nghĩa” (tức là vương thổ của một đức Phật. Vì thế, Sát có nghĩa là cõi Phật hoặc nước Phật). Chữ Bảo Sát (寶刹) chỉ một cõi nước Phật. Nói theo cách hiện thời, sẽ là khu vực dạy học của đức Phật, chúng ta càng dễ hiểu. Do đó, Sát có nghĩa là Sát Độ (ksetra). Vào thời cổ, tại Trung Hoa, người ta dịch chữ này là Điền Địa. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giáo học, Ngài chẳng dựng đạo tràng. Nói theo hiện thời, Ngài và Tăng đoàn sống theo phương thức du mục, không ở một nơi cố định mà di chuyển khắp nơi. Ở đâu có duyên bèn đến đó. Đức Phật vô cùng tự tại, cũng chẳng có bất cứ điều kiện gì. Người nào thành tâm thành ý đến khai thỉnh, Ngài đều chấp thuận, nhận lời mời. Vì các Ngài đều trụ trong núi, rừng, ven sông, đêm nghỉ dưới cội cây, nên chẳng cần nơi chốn riêng biệt, bất luận chỗ nào cũng đều được. Đó là phương thức giáo học của đức Thế Tôn trong thuở ấy. Chúng tôi cảm thấy phương thức này hết sức tự tại, chẳng phiền nhiễu người khác chút nào! Người lễ thỉnh rất tự tại, chẳng có bất cứ gánh nặng gì. Khi đức Phật nhận lời mời cũng tự tại. Chúng ta nói là ứng xử với các Ngài cũng rất tự tại, chẳng làm phiền người khác. Đây là nguyên tắc giáo học cơ bản của đức Phật, đức Phật chẳng khiến cho người nào khởi phiền não. Vì thế, nói đến điền địa thì điền địa chính là chỗ Ngài giảng kinh,

thuyết pháp, chẳng cần bất cứ dụng cụ gia đình nào! Đức Phật trải một chút cỏ tươi rồi ngồi trên đó, các học trò cũng là như thế, ngồi trên cỏ vây quanh bốn phía đức Phật. Chẳng như hiện thời có giảng đường, có bàn ghế, có lăm thiết bị như vậy, lăm thứ bắt buộc phải có, thời ấy chẳng có. Vì thế, chúng ta liễu giải trạng huống khi ấy. Đó chính là ý nghĩa của chữ Sát.

“*Bảo sát*” (寶刹): Bảo (寶) là hình dung sự giáo học và thuyết pháp của đức Phật, nên gọi là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Tam Bảo trọn đủ, ba thứ này đều hết sức khó có. Phật là thầy, là người có thể thuyết pháp, Tăng là học trò, bao gồm thính chúng tại gia. Ý nghĩa gốc của chữ Tăng là đoàn thể. Bốn người trở lên, cùng học tập một chỗ thì gọi là Tăng Chúng, bất luận tại gia hay xuất gia, chư vị nhất định phải biết điều này. Do vậy, Tăng đoàn là đoàn thể học tập giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, nên gọi là Tăng đoàn. Không nhất định là tại gia hay xuất gia, nam chúng hay nữ chúng đều gọi là Tăng đoàn. Nếu gọi là tỳ-kheo Tăng đoàn thì khác, nhất định phải là nói về xuất gia nam chúng. Không nói cố định thì tại gia hay xuất gia đều gọi là Tăng đoàn. Điều kiện nhất định của một Tăng đoàn là trì giới, nhất định là Lục Hòa. Nếu chẳng trì giới, chẳng có Lục Hòa, chẳng tính là Tăng đoàn, giống như hiện thời đạo tràng quy mô to đến mấy, đều chẳng thể gọi là Tăng đoàn. Đối với hàm nghĩa của những danh từ thuật ngữ trong Phật môn, chúng ta phải nhận biết chánh xác!

Nay đức Phật muốn giới thiệu cùng mọi người Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên Ngài đặc biệt hoan hỷ. Trong phần trước, chúng ta đã thấy Ngài vô cùng hoan hỷ. Hoan hỷ là do cơ duyên chín muồi, vô lượng chúng sanh sẽ do lần giảng diễn này mà đạt đến lợi ích thù thắng khôn sánh, trong một đời này có thể vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới. Lại còn đúng như Mật Tông đã nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này), điều này chẳng giả tí nào! Trong phần trước, chúng ta đã đọc rất nhiều. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đông Cư, sẽ như nguyện hai mươi đã nói: “*Giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). Tiêu chuẩn của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tiêu chuẩn thập nhất, chính là như Thiên Tông Trung Hoa đã nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, tiêu chuẩn ấy! Vì thế, A Duy Việt Trí Bồ Tát vượt trời mười pháp giới. Ngài ở nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, chư vị phải biết điều này. Đức Phật có bốn cõi, mỗi người chúng ta đều có bốn cõi. Bốn cõi hiển hiện như thế nào? Đều do ý niệm của chính mình hiển hiện, nói cách này mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh Phật có nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, cũng có nghĩa là bốn cõi sanh từ tâm tưởng. Trong tâm quý vị có Vô

Minh phiền não, có Trần Sa phiền não, có Kiến Tư phiền não, tâm quý vị có ba thứ phiền não ấy, cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong tự tánh của quý vị liền hiện tiền. Như quả địa cầu hiện thời là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, khởi tâm động niệm, ba loại phiền não ấy thấy đều trọn đủ. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng có người rất hạnh phúc, rất sung sướng, có người rất đau khổ, chịu tội, do nguyên nhân nào? Mỗi người có nghiệp lực khác nhau. Người tâm thiện, hành vi thiện, ở trong cõi Đồng Cư bèn có hạnh phúc, mỹ mãn, sung sướng, cảnh giới ấy hiện tiền. Nếu tâm hạnh người ấy chẳng lành, tiêu chuẩn thiện là Thập Thiện Nghiệp Đạo, [do tâm hạnh của người ấy] trái nghịch Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ hiện thành cõi nước bất thiện, có lắm nỗi đau khổ, như kinh đã nói “*tám nỗi khổ xen nhau nung nấu*”, có hiện tượng ấy xuất hiện. Nếu nghiêm trọng thì trong cõi Đồng Cư sẽ hiện gì? Hiện ra ba ác đạo là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

Chẳng phải do điều gì khác mà có, mà do tự tâm hiện ra. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*duy thức sở biến*”, Thức là phân biệt, chấp trước. Từ phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến hiện cảnh giới ấy, cho nên đạo lý “*cảnh chuyển theo tâm*” là ở chỗ này. Chúng ta liễu giải đạo lý này, biết chân tướng sự thật này, đối với lời Phật dạy, chẳng hoài nghi mảy may. Vì thế, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng chẳng oán trời hờn người, biết là gì? Đúng là tự làm tự chịu, chẳng liên quan đến ai khác. Bởi lẽ, nhân quả cá nhân do chính mình gánh vác. Nếu quý vị oán người khác, sẽ là tội càng thêm tội, phiền phức có thể to lớn, hứng chịu khổ báo chẳng hết. Vì thế, phải hiểu rõ. Như thế nào thì sẽ có thể thoát ly biển khổ, thoát khổ, thoát nghèo? Phật pháp dạy chúng ta lìa khổ, được vui. Lìa khổ là lìa thoát nghèo khổ, lìa thoát bệnh khổ, đạt được an lạc, quý vị đoạn ác tu thiện. Quý vị đoạn hết Thập Ác, nghiêm túc nỗ lực tu Thập Thiện, mạng vận sẽ chuyển biến, quả báo cũng chuyển biến. Phật pháp nói mạng vận, nhưng mạng vận không phải là nhất định, nó biến đổi theo ý niệm. Một niệm thiện, cảnh giới thiện quả nhân thiên bèn hiện tiền. Một niệm ác, cảnh giới ba ác đạo liền hiện tiền. Thiên biến vạn hóa, chẳng nhất định! Hiện thời, cả thế giới động loạn, tai biến dị thường trên địa cầu toàn thể thế giới đều có. Do nguyên nhân nào? Các đồng học học Phật đều biết, do tâm hạnh chẳng lành của chúng sanh sống trên địa cầu cảm vờ, chứ chẳng do điều gì khác! Nếu chúng ta hỏi, khi nào xã hội sẽ có thể khôi phục hòa hài, người Hoa gọi chuyện đó là “*thiên hạ thái bình*”, khi nào sẽ có thể khôi phục? Khi nào hoàn cảnh vật chất trên địa cầu sẽ khôi phục bình thường? Các khoa học gia cho biết: Năm nay rất bất thường, tai nạn nhiều, mùa Đông lại còn đặc biệt lạnh, mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian hai mùa Xuân và Thu rất ngắn. Xuân, Thu vốn đều là ba tháng, có thể là mùa Xuân chỉ có một tháng rưỡi, mùa Thu cũng chỉ có một tháng rưỡi. Thời gian Đông và Hạ rất dài, vốn cũng là ba tháng, có thể [bị kéo dài] từ

bốn tháng đến năm tháng, bất bình thường! Vì sao phát sanh tình hình này? Do ý niệm của chúng ta sai trái. Hoàn cảnh là thức biến, Thức là ý niệm. Ý niệm của chúng ta chẳng lành, nên phải chịu tội nhiều hơn. Mùa Đông đặc biệt lạnh, quý vị thấy bốn năm tháng lạnh cóng, chịu tội nhiều! Mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian Xuân và Thu rút ngắn, chẳng phải là tự nhiên, do con người gây ra!

Kinh Phật nói kiêu này, hết sức khó có. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học đã chứng minh, họ chứng minh như thế nào? Họ chứng minh hiện tượng vật chất là giả, hoàn cảnh [cư trụ] của chúng ta là hiện tượng vật chất. Còn có nhà khoa học nói: Về căn bản, thế gian này chẳng có vật chất tồn tại, vậy thì chân tướng của vật chất là gì? Họ nói vật chất là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra. Chúng ta thật sự hiểu đạo lý này. Quý vị thấy đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước, đến gần đây, gần đây, các nhà khoa học mới phát hiện, có cùng ý nghĩa như đức Phật nói, nhưng ngôn ngữ hơi bất đồng, ý nghĩa hoàn toàn giống như nhau, chứng minh những điều kinh điển đã nói là đúng, trong kinh điển có khoa học cao cấp. Những thông tin ấy đem lại tin tức tốt đẹp cho chúng ta: Chúng ta có năng lực khôi phục trật tự xã hội, khôi phục địa cầu bình thường, chỉ cần biến đổi ý niệm là được rồi. Đối với khởi tâm động niệm, tổ tiên đã nói luân lý, đạo đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đơn giản lắm. Đơn giản thì quý vị mới có thể ghi nhớ. Đơn giản thì lưu truyền ức vạn năm chẳng bị sai, cương lĩnh trọng yếu là mấy chữ như vậy đó. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện: “*Phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân), thật sự làm được niềm thân ái ấy, tức là hiếu đạo. Giáo học của thánh hiền không gì chẳng đặt vững căn cội nơi chữ Hiếu. Giáo học của thánh hiền là cội gốc to lớn. Hiếu là nói tới điều gì? Quý vị nhìn vào chữ Hán. Chữ Hán là phù hiệu trí huệ, chữ Hiếu (孝) biểu thị ý nghĩa gì? Nửa phần trên là chữ Lão (老), nửa phần dưới là chữ Tử (子), [hai phần ấy] hợp thành [chữ Hiếu], chúng ta có thể thấu hiểu ý nghĩa ấy. Thế hệ trước và thế hệ sau cùng một Thế, chẳng thể tách rời. Trên đời trước còn có đời trước nữa, sau đời sau còn có đời sau nữa; ý nghĩa này đã được bao hàm trong ấy. Lão Tử nói: “*Thiên địa và ta cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thế*”, chẳng phải là ý nghĩa này ư? Người Hoa nói đến Hiếu, phát minh chữ ấy trước khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc. Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa, Phật giáo mới truyền đến Trung Quốc mới hai ngàn năm. Trước khi Phật giáo truyền đến, Trung Quốc đã có ba ngàn năm văn hóa, nói tới căn cội này: Căn cội hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, chẳng hai, chẳng khác với những điều kinh Đại Thừa đã dạy.

Kinh giáo Đại Thừa giảng rõ ràng hơn. Trong Bồ Tát Giới Kinh có nói: *“Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta”*. Đây là nói về quan hệ Ngũ Luân. Trong Phật pháp có nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*. Những lời ấy đều do đức Phật nói. Vì vậy, giáo dục truyền thống Trung Quốc vun quén căn bản nơi *“phụ tử hữu thân”*, còn giáo học Phật pháp đặt vững căn bản nơi *“hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*. Mục đích giáo dục và giáo học của đức Phật ở chỗ nào? Nay quý vị đang mê mất tự tánh, quý vị vốn là Phật, nay đã mê, biến thành lục đạo phàm phu, mục tiêu chung cực của đức Phật trong việc dạy bảo chúng ta là muốn khiến cho chúng ta chuyển phàm thành thánh, trở về vị Phật vốn sẵn có thì sự giáo dục của đức Phật bèn viên mãn. Thành Phật có khó hay không? Sau khi quý vị đã hiểu rõ nguyên lý được giảng trong kinh, sẽ biết là chẳng khó chút nào, buông xuống mà thôi! Buông Kiến Tư phiền não xuống, bèn thành A La Hán, buông Trần Sa phiền não xuống, sẽ là Bồ Tát, buông vô minh phiền não xuống, quý vị bèn thành Phật, trở về tự tánh. Do vậy, tu học Phật pháp, nói tới công phu tu hành thật sự thì là gì? Từ đầu tới cuối là buông xuống mà thôi! Vì sao bảo quý vị buông xuống? *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, chẳng có gì là thật. Nếu là thật, đức Phật sẽ chẳng bảo chúng ta buông xuống. Bảo quý vị buông xuống vì tất cả đều là hư vọng. Quý vị buông những thứ hư vọng xuống, chân thật liền hiện tiền, chân thật là gì? Phật tánh. *“Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”* như Hoàn Nguyên Quán đã nói bèn hiện tiền, buông vọng xuống, Chân liền hiện tiền, đó gọi là *“chứng Chân”*. Trong kinh, đức Phật đã giảng vấn đề này, giảng về nguyên khởi của vũ trụ, giảng chánh báo do đâu mà có. Chánh báo là gì? Chính mình, chính bản thân ta, ta do đâu mà có.

Kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng, rốt cuộc thân thể của ta là như thế nào? Nhục thân bao gồm xương, máu, lông trên da, lông tơ, tóc, đều thuộc về chánh báo. Đó là hiện tượng vật chất. Vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh, vì sao? Trong tự tánh vốn trọn đủ. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã bảo: *“Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ”*, trọn đủ những gì? Trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng thần thông, vô lượng tướng hảo, hết thấy đều là vô lượng, chẳng khiếm khuyết mảy may! Vì sao nói là vô lượng? Thật sự là vô lượng. Các khoa học gia hiện thời có tính toán, đáng tiếc là tôi chẳng ghi chép những con số ấy, sau này, tôi tìm người giỏi toán viết những con số ấy ra. Trên thân người chúng ta, họ biết trên thân người có bao nhiêu tế bào. Những tế bào ấy phân tích ra thành bao nhiêu phân tử, lại phân tích ra thành bao nhiêu nguyên tử, [sẽ biết] trên thân có bao nhiêu nguyên tử, bao nhiêu lap tử. Nay đã phân tích đến lượng tử, trên thân này có bao nhiêu lượng tử. Những lượng tử nhỏ như vậy vẫn là Ngũ Uẩn như đức Phật đã nói. Đức Phật giảng rất hay, lớn đến mức như vũ trụ, nhỏ đến mức như lượng tử,

đều chẳng thể vượt ngoài Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Thọ (受) là gì? Nó có năng lực cảm thụ, tiếp nhận. Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp xúc bên ngoài. Nó có Tưởng, có Hành, Hành (行) là gì? Hành là như trong phần trước của kinh đã nói “*mấy trăm ngàn thứ biến hóa*”. Đó là Hành, mấy trăm ngàn thứ biến hóa là hình dung nó có thể biến hóa. Nó có Thức, nay chúng ta gọi Thức là “*tu tân*” (資訊), tức tin tức. Có bao nhiêu tin tức? Trong một tiểu quang tử có tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, tất cả tin tức đều ở trong đó, chẳng sót một điều nào. Vì vậy, trong Phật pháp có khoa học bậc cao.

Có người hỏi tôi một câu hỏi khó: Con giun, tức là một loại trùng bò nhỏ nhỏ, quý vị dùng dao chặt nó làm đôi, nó liền biến thành hai con. Nó chẳng chết, cả hai con đều sống. Người ấy hỏi tôi chuyện gì? Người ấy nói thần thức là một, nay biến thành hai con giun, có phải là có hai thần thức? Đúng vậy! Có hai thần thức thì trong tương lai, chúng thành Phật chẳng phải là thành hai vị Phật ư? Giải đáp vấn đề này như thế nào? Chúng tôi giải đáp theo tướng. Nói theo sự, nói theo tướng, thân của nó tồn tại, tồn tại ở chỗ nào? Mỗi tiểu quang tử đều là một thể hoàn chỉnh. Nói cách khác, thần thức là vô lượng vô biên, chẳng sai! Một người có thể trở thành vô lượng, vô biên Phật, nói cho quý vị biết là thật, cũng chẳng giả! Nếu một người tạo tác tội nghiệp trong địa ngục, có phải là vô lượng vô biên thân hứng chịu vô lượng vô biên tội hay không? Đúng vậy! Trong kinh, đức Phật đã nói như thế. Vì sao chúng ta nói rất nhiều người đầu thai trong lục đạo, [đầu thai] là một thần thức, chẳng phải là hai ư? Nói cho thông suốt, hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng. Ý niệm của quý vị chấp trước thân này là chính mình, thân đã chết mà vẫn chẳng rời khỏi, giữ rịt lấy thân thể này, nên gọi là “*thủ thi quý*” (quý giữ thân), trọn chẳng biết thân lẫn tâm đều là giả. Chẳng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói rất rõ ràng trong Tâm Kinh, mọi người hằng ngày đều niệm kinh ấy, vì sao hoàn toàn chẳng sử dụng được? Bồ Tát nói rất rõ ràng: “*Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*” (khi hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, soi thấy năm uẩn đều không). Sau đây, càng nói tỉ mỉ hơn: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị*” (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy). Nếu quý vị tham cứu thấu triệt kinh văn ấy, vấn đề của quý vị sẽ được giải đáp. Chẳng còn nữa! Quý vị chẳng có vấn đề ấy! Bởi lẽ, nếu quý vị chấp trước, nó sẽ biến thành một. Nếu chẳng chấp trước, nó liền biến thành rất nhiều. Vì vậy, Phật, Bồ Tát có thể phân thành vô lượng vô biên thân. Địa ngục cũng là như thế, xác thực là

phân thành vô lượng vô biên thân trong địa ngục để lãnh chịu vô biên hình phạt.

Đến nay, kinh văn đã được học thuyết khoa học chứng minh, dễ hiểu hơn trước kia. Vì thế, đối với kinh văn sâu xa, uyên áo như thế này mà cổ nhân có thể thấu hiểu, chúng ta bội phục họ năm vóc sát đất. Hiện thời, nhờ các báo cáo của các nhà khoa học, chúng ta được đặc lực rất nhiều. Đem chúng so sánh với Phật học, chúng ta liễu giải Phật pháp càng rõ ràng hơn. Ở đây là nói đến nguồn cội của Bảo Sát (cõi báu). Mặt đức Phật phóng quang, trong quang là gì? Trong quang minh có vô lượng vô biên cõi Phật, quý vị thấy quang minh hiện bóng cõi báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật. Nói cách khác, trong Phật quang hiện ra đạo tràng thuyết pháp giáo học của mười phương chư Phật. Bảo sát là đạo tràng, các Ngài hoạt động tại đó, giảng kinh, dạy học nơi đó. Người nào có thể thấy hiện tượng này? Pháp Thân Bồ Tát. Vì sao? Các Ngài chẳng có chướng ngại. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới vẫn chưa được, chẳng thấy, trừ phi Phật và các Ngài có duyên liên đặc biệt gia trì thì sẽ có thể thấy. Chẳng được Phật lực gia trì, sẽ chẳng thấy, nhưng Pháp Thân Bồ Tát không cần gia trì, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy.

Tiếp đó là: *“Tống dịch tục vân: Như thị công đức, đặc vị tăng hữu. Cái vị chiêu thị thập phương, Phật tương khai diễn đệ nhất hy hữu chi pháp, cố hiện thị tiền sở vị kiến chi thụy. Cố bốn kinh trung tục viết: Tùng tích dĩ lai, vị sở tăng kiến, hỷ đặc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”* (bản Tống dịch ghi thêm: “Công đức như vậy là chưa từng có”. Ấy là vì tỏ rõ với mười phương: Đức Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Vì vậy, đức Phật hiện tướng lành chưa từng bao giờ thấy như thế. Do đó, kinh này chép tiếp rằng: “Từ xưa đến nay, chưa từng được thấy, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu”). Mấy câu này cho biết, trong bản Tống dịch có hai câu như thế, tiếp theo đó, có tất cả bốn câu: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, như thị công đức, đặc vị tăng hữu”* (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm, công đức như thế là chưa từng có). Đó là kinh văn trong bản Tống dịch. *“Chiêu thị thập phương”*: Chiêu là chiếu minh (昭明: sáng tỏ)

Thị (示) là thị hiện (示現), thị hiện rõ rệt cho mười phương chúng sanh được thấy nghe, bao hàm ý nghĩa: Nay Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Chúng ta phải ghi nhớ câu này, phương pháp hy hữu bậc nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, kinh Vô Lượng Thọ có thể gọi là kinh bậc nhất [trong các kinh do] chư Phật đã nói. Lời này cũng chẳng phải do chúng tôi tùy tiện thốt ra. Thiệu Đạo đại sư đã nói: *“Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế”* (sở dĩ chư Phật xuất hiện trong cõi đời), các Ngài đến hiện thân,

thuyết pháp trong thế gian này, “*duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (chỉ đề nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là Phật đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, độ thoát chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp chúng sanh lìa khổ, được vui, Ngài đã dùng phương pháp gì? Thứ nhất là dùng phương pháp này. Vô lượng pháp môn khác nhằm phụ trợ phương pháp này. Giống như một cội cây to, phương pháp này là cội rễ, ngàn kinh vạn luận là cành cây, thân cây, ngọn cây, lá cây, là những thứ đó, còn kinh này là căn bản.

Chúng ta cũng nghe các tổ sư đại đức bảo Hoa Nghiêm là căn bản của hết thảy các pháp. Chẳng sai! Chẳng sai tí nào cả! Kinh Hoa Nghiêm xác thực là căn bản, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật minh tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, Ngài đã hoàn toàn nói ra cảnh giới đã thấy. Đó là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, há có sai! Đương nhiên [Hoa Nghiêm] là căn bản pháp luân. Hết thảy các pháp được nói trong bốn mươi chín năm đều là cành lá của Hoa Nghiêm, từ xưa các vị tổ sư đại đức đã công nhận điều này. Vậy thì vì sao kinh Vô Lượng Thọ lại biến thành bậc nhất? Chúng ta đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm sẽ hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm cho đến cuối cùng viên mãn như thế nào? Tự tu viên mãn, độ chúng viên mãn, viên mãn như thế nào? Cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Dẫn về Cực Lạc là dẫn về kinh Vô Lượng Thọ, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn là trở về Vô Lượng Thọ. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ liền biến thành căn bản của căn bản, chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không nhận thức rõ ràng! Nếu không, thì sao? Đã gặp pháp môn này vẫn nghĩ pháp môn khác khá lắm, chẳng trọn đủ tín tâm đối với pháp môn này. Tín tâm chẳng đủ, Phật pháp chẳng bị thiệt thòi, mà chính là quý vị bị thiệt thòi: Pháp hy hữu bậc nhất ở ngay trước mặt mà quý vị bỏ lỡ, đời sau vẫn bị luân hồi, vẫn phải sanh tử, quý vị sai lầm mất rồi! Vì thế, câu này có ý nghĩa sâu xa, quý vị phải thừa nhận bộ kinh này là pháp hy hữu bậc nhất.

“*Cố hiện thị tiền sở vị kiến chi thụy*” (nên hiện tướng lành chưa từng thấy như trên đây): Đức Phật hiện tướng lành, “*phóng quang hiện thụy*” (phóng quang, hiện tướng lành), trong hết thảy các kinh, quý vị chẳng thấy Ngài toàn thân phóng quang. Vì thế, kinh này nói tiếp: “*Tùng tích dĩ lai*” (từ trước tới nay), đây là nói về tôn giả A Nan. Ngài A Nan là thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng kinh, Ngài chưa hề vắng mặt buổi nào, trước nay, Ngài chưa thấy đức Phật hoan hỷ dường ấy, đức Phật hiện tướng thù thắng ngàn ấy. Chúng ta phải ghi nhớ tướng được biến hiện này. Đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, vì sao mỗi ngày hiện tướng khác nhau? Đức Phật vĩnh viễn trụ trong tự tánh. Sách Hoàn Nguyên Quán nói “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là trụ xứ của Phật, chẳng lìa tự

tánh. Trong tự tánh, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm. Đức Phật thị hiện trong mười pháp giới, thị hiện trong tam đồ, cũng chẳng có khởi tâm động niệm. Hết thấy chúng sanh thấy Phật thị hiện, toàn là do nghiệp cảm của chúng sanh, nghiệp của chúng sanh niệm niệm khác nhau. Phàm phu chúng ta không biết, chúng ta biết thô niệm, nhưng chẳng biết tế niệm. Di Lặc Bồ Tát bảo: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Chúng ta chẳng biết các niệm ấy, chúng là thật, chẳng giả! Nếu là người khảy ngón tay mau lẹ, trong một giây có thể khảy năm lần thì trong một giây có bao nhiêu niệm? Tính theo cách nói của Di Lặc Bồ Tát, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một giây là một ngàn sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể biết được nổi? Niệm niệm đều khác nhau. Vì thế, kinh nói “*mấy trăm ngàn thứ biến hóa*”, lời ấy là thật, chẳng giả tí nào. Ngài nói toàn là chân tướng sự thật, toàn là cảnh giới Như Lai đích thân chúng đắc, chẳng phải là tùy thuận ý niệm của phàm phu chúng ta, mà là cảnh giới do Ngài đích thân chứng. Vì thế, ngài A Nan trông thấy, A Nan đại diện cho đại chúng dự hội, “*hy đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm*” (mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu), khẳng định trong các đại chúng dự hội [cũng có một tâm trạng ấy].

“*Thử biểu A Nan tuy cứu thị Phật trắc, dẫn như tư thủy tượng, tiền sở vị kiến. Kim nhật hạnh năng chiêm thị khâm ngưỡng, kiến thử quang minh, tâm trung hoan hỷ, nãi khởi hy hữu nan tao chi tướng*” (Điều này cho thấy ngài A Nan tuy hầu bên cạnh Phật đã lâu, nhưng các tướng lành như thế ấy từ trước đến nay Ngài chưa từng được thấy. Ngày nay may mắn ngắm nhìn, khâm phục. Thấy quang minh này, trong tâm hoan hỷ, liền khởi lên ý tưởng hy hữu, khó gặp). Câu này ý nói lên cảm nhận của tôn giả A Nan vào lúc ấy, quá hy hữu, cơ hội thành Phật viên mãn trong một đời đã đến rồi! “*U thị, A Nan tùng tòa nhi khởi, ca-sa bị thế, dẫn lộ hữu kiên, thử danh thiên dẫn hữu kiên, nãi tỳ-kheo trí kính chi cực*” (Do vậy, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng lên, kéo áo ca-sa đắp thân để lộ vai hữu, chuyện này được gọi là “trật áo vai phải”, đó chính là cách tỏ lòng cung kính cùng cực của tỳ-kheo). Đây là sự lễ kính của hàng đệ tử xuất gia đối với đức Phật. “*Thiên dẫn hữu kiên*” (偏袒右肩: trật áo, lộ vai phải) là cách kính lễ nhất. Tâm y mà giới Phật giáo Trung Hoa đáp hiện thời được gọi là Ca Sa (Kāśāya), quý vị thấy để lộ vai phải, vì sao phải lộ vai phải? Niệm niệm chẳng quên phụng sự thầy, đối trước thầy hành lễ. Thầy có chuyện gì muốn sai bảo quý vị làm, sẽ hết sức thuận tiện, tay phải ở ngoài [ca-sa], sẽ phục vụ rất nhanh nhẹn, có thể tiếp nhận, [hở vai áo phải nhằm biểu thị] niệm niệm chẳng quên phụng sự sư trưởng. Ở nhà thì hiếu thuận với cha mẹ, cũng là niệm niệm chẳng quên chuyện do cha mẹ đã giao phó, sẽ thực hiện rất nhanh, chớ nên lười nhác,

biểu thị ý nghĩa này. Bình thường thì sao? Bình thường thì y ca-sa phủ kín hai vai. Hở vai bên phải là hành lễ. Quý vị thấy trong Tiểu Thừa, Nam Truyền Tiểu Thừa, họ quán ca sa trên người, bước vào đại điện bèn lộ tay phải. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc thuộc khu vực ôn đới. Thuở Phật cư trú tại Ấn Độ, Ấn Độ là xứ nhiệt đới, nên họ ăn mặc rất đơn giản, ba y là đủ rồi. Xứ nhiệt đới thì đến đêm, ba y coi như chăn đắp, ban ngày đều phủ lên thân. Khi làm tụng, chỉ dùng một tấm y, thường nói y năm điều là quần áo lao động. Y bảy điều là lễ phục thông thường, là lễ phục mặc thường xuyên. Từ chín điều trở lên cho đến hai mươi lăm điều là đại lễ phục. Tấm y hiện thời của chúng ta là hai mươi lăm điều, là đại lễ phục, khi hành lễ mới dùng. Đức Phật giảng kinh, chúng ta đến nghe kinh là đại lễ. Bởi lẽ, trong giảng đường, hoạt động Phật giáo là giảng học, chẳng có hoạt động nào khác. Đức Thế Tôn thăng tòa thuyết pháp, học trò cung kính đến nghe giảng, tất cả đều trật áo hở vai phải, đều mặc đại lễ phục.

“*Trường quy hiệp chưởng: Trường quy giả, song tất trước địa*” (Quy thẳng chấp tay: Quy thẳng là hai góì đặt sát đất), có thể quy lâu dài. Khi hành lễ bái Phật, có lúc sử dụng hồ quy (胡跪). Hồ quy là chỉ có một chân đặt xuống đất, cũng là hành lễ, biểu thị đức Phật có sai phái gì, quý vị bèn đứng lên rất mau, đều là tâm thái ắt phải có để phụng sự bậc trưởng thượng, chẳng dám lười nhác, tán loạn, sử dụng theo ý nghĩa này. Trong trường quy cũng có hồ quy, một chân đặt sát đất, ở đây nói là hai góì đặt sát đất, cũng là trường quy. Trong trường quy có hai loại, chớ nên không biết. “*Hiệp chưởng giả, hợp tả hữu lưỡng chưởng chi thập chỉ, cố hựu danh Hiệp Thập. Ấn Độ dĩ hiệp chưởng biểu kính lễ, biểu nhất tâm chuyên chú, cung kính chi nghi*” (“Chấp tay” là khép mười ngón tay từ hai bàn tay trái và phải lại, nên lại gọi là “hiệp thập” (ép sát mười ngón tay lại). Ấn Độ dùng chấp tay để biểu thị sự kính lễ, biểu thị nhất tâm chuyên chú, là nghi lễ tỏ lộ sự cung kính). Mười đầu ngón tay biểu thị điều gì? Biểu thị tán loạn. Chúng ta có rất nhiều ý niệm, nghĩ Đông tưởng Tây. Khi cung kính bèn chấp hai tay lại, biểu thị chúng ta thu hồi sự tán loạn, nhất tâm chuyên chú, có ý nghĩa này. Vì thế, khi chấp tay, nhất định phải chấp sao cho các ngón thật khít nhau nhằm biểu thị nhất tâm. Có người chấp tay [mà các ngón tõe ra] như thế này, tức là không chuyên tâm, mà cũng chẳng cung kính, làm cho có mà thôi, chẳng có thành ý! Vì thế, khi thành ý, nhất định phải chấp lại thật khít, biểu thị thành ý. Điều này là lễ tiết nhỏ nhất, nhưng lễ tiết vụn vặt chớ nên bỏ. Lễ tiết nhỏ nhất cũng chẳng bỏ mất thì đại đức mới có thể thành tựu. Vì vậy, trong hiện thời, thành tựu đại đức rất khó khăn, vấn đề là vì đối với lễ tiết nhỏ đã tùy tiện, cứ ngỡ những chi tiết nhỏ nhất cứ qua loa cũng được. Do đó, chẳng thể thành tựu đại đức.

Chữ “*Bạch*” (白) là từ ngữ tôn kính. Đối với bề trên, đối với trưởng bối, như chúng ta thường thấy trong kinh chép là “*bạch Phật ngôn*” (bạch cùng đức Phật rằng), hiện thời nói là “báo cáo”. Bạch có nghĩa là báo cáo. “*Biểu bạch dã. A Nan trường quy, hiệp chương, hướng Phật trần thuyết, kính phát sở vấn dã*” (“Bạch” là thưa bày. A Nan quy dài, chấp tay, hướng về đức Phật tỏ bày, cung kính thốt lời thưa hỏi). Những chữ được nêu trên đây toàn là lễ tiết. Những lễ tiết ấy thường được vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, là lễ tiết đối với tất cả các vị tôn trưởng. Đức Phật là thầy, cũng là trưởng bối. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có trọn đủ những lễ tiết, lễ phép hay không? Lễ tiết thật sự trọng yếu dường ấy ư? Trọng yếu! Vì sao? Tâm chân thành thanh tịnh của quý vị người khác nhìn chẳng ra, nhưng nó sẽ được bộc lộ qua các động tác. Chúng ta làm theo cách như vậy, đương nhiên là chính mình chân thành, biểu thị sự chân thành của chính mình, ngoài ra còn là giáo hóa chúng sanh. Đặc biệt là trong thời đại này, mọi người quên khuấy lễ kính, chúng ta bất luận ở nơi đâu, quý vị làm chuyện này sẽ là công đức, là tu công đức. Bất luận ở nơi chốn nào, quý vị thấy người khác, người khác là trưởng bối của chúng ta, hoặc tuổi tác cao hơn chúng ta, lớn hơn mười tuổi trở lên là trưởng huynh, lớn hơn hai mươi tuổi là bậc ngang vai vế với cha ta, chính mình là vẫn bối, hoặc là [trông thấy người] cấp bậc cao hơn chúng ta, hễ trông thấy phải hành lễ, lễ thì phải cung kính. Lễ tiết trong Phật môn là khi xá chào phải khom mình chín mươi độ để hành lễ, điều này có tất yếu hay không? Có chứ! Quý vị thấy chúng tôi hễ nhìn thấy người khác bèn khom mình chín mươi độ để hành lễ, trong tâm quý vị bèn sanh lòng hoan hỷ. Người hiện thời chẳng có lễ tiết, thấy cha mẹ, người trên mà gật đầu thì kể ra cũng còn khá, [vì] có lúc, đầu họ cũng không thêm gật nữa kia! Nếu chẳng có lễ, thưa cùng chư vị, chẳng có tâm cung kính, vì sao? Điều gìn giữ trong lòng nhất định thấu lộ ra ngoài. Trong tâm quý vị thật sự thành kính, bên ngoài tự nhiên là lễ tiết như vậy, chẳng cần ai dạy. Quý vị rất cung kính một ai đó, trông thấy người ấy, đúng là sẽ [cư xử] khác hẳn.

Vì thế, người hiện thời bỏ sót lễ, cũng chẳng có ai dạy, nên tâm thành kính chẳng có, học thứ gì cũng đều học chẳng thành. Vì sao? Ân Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Quý vị chẳng có thành kính, làm sao đạt được? Dẫu là vị thầy giỏi đến mấy, hoặc bậc thánh hiền đến dạy quý vị, Phật, Bồ Tát đến dạy quý vị, quý vị đều chẳng đạt được lợi ích, vì sao? Thiếu tâm thành kính. Điều này cho thấy, chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà là do Phật, Bồ Tát thấy quý vị chẳng có thành kính, có đến cũng vô dụng! Phật, Bồ Tát thật sự đến, sẽ giúp quý vị tạo nghiệp, Phật, Bồ Tát chẳng nở lòng nào! Vì sao? Không chân thành bất kính là tội, là lỗi, lẽ nào

Phật, Bồ Tát giúp quý vị tạo tội lỗi? Vì vậy, các Ngài lánh xa, đó là lòng từ bi chân chánh, chẳng khiến cho chúng ta vì bất kính thánh hiền mà phạm tội lỗi, nên các Ngài tránh né. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện là từ bi, mà tránh né chẳng đến vẫn là từ bi! Hiểu đạo lý này, chúng ta muốn cầu học, thật sự mong cho học nghiệp và đạo nghiệp của chính mình thành tựu thì thành tựu từ nơi đâu? Thành tựu từ tâm cung kính, điều này rất quan trọng. Bản thân tôi cầu học thuở trước là một thí dụ tốt. Chúng tôi chẳng có quan hệ gì với thầy, căn bản là chẳng quen biết. Nghe tiếng thầy được rất nhiều người cung kính, tán thán, chúng tôi biết đó là một vị thầy tốt nên được nhiều người tán dương như vậy, học đòi Mao Toại¹ tự tiến cử, viết thư gửi cho thầy. Chúng tôi là một gã nghèo túng, hèn mọn, mong học mà chẳng có duyên phận, viết một bức thư thỉnh cầu thầy chấp thuận cho chúng tôi được học bằg thính. Khi thầy dạy, cho phép chúng tôi được dự thính. Tôi cung kính viết lá thư ấy. Thầy nhận được thư bèn hẹn tôi gặp mặt, trực tiếp nói chuyện. Chúng tôi giữ lễ đối với thầy, xác thực là có biểu hiện, tuy chẳng phải là mười phần cung kính, nhưng phải là được bảy tám phần, chẳng giống các bạn học thông thường.

Thầy không chỉ là chịu dạy, mà mỗi tuần còn dành cho tôi hai giờ, dạy tôi ở nhà thầy hai tiếng đồng hồ, chẳng thể tưởng tượng được! Một xu học phí cũng chẳng có! Nếu gặp người khác thì trong giờ lên lớp, anh đến nghe ké chẳng phải là đã được rồi hay sao? Đặc biệt dành ra thời gian, mỗi tuần dạy tôi hai giờ, giảng cho tôi một bộ khái luận triết học, chẳng theo sách giáo khoa. Nhân duyên học Phật của tôi do vậy mà có. Chủ đề trong khoa mục cuối cùng là triết học trong kinh Phật, thầy bảo tôi: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, quét sạch mọi thứ hiểu lầm trong thời trẻ của tôi đối với Phật giáo. Vì chúng tôi vốn nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, chẳng có ý niệm muốn tiếp xúc. Khi thầy giới thiệu như thế, mới biết trong Phật pháp có đại học vấn, bèn sửa đổi quan niệm trong quá khứ, bắt đầu đến chùa miếu. Đến chùa miếu để làm

¹ Mao Toại là người nước Triệu, sống vào thời Chiến Quốc, là môn khách của Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) đã lâu, nhưng chưa ai biết tới tài năng. Năm thứ chín đời Triệu Hiếu Thành Vương (275 trước Công Nguyên), nước Tần vây hãm kinh thành Hàm Đan của nước Triệu, Bình Nguyên Quân cầm tiết việt sang nước Sở cầu cứu. Mao Toại thừa dịp, tự giới thiệu, đề cao mình, đối đáp khảng khái, nên được Bình Nguyên Quân cho theo đàm phán. Khi Bình Nguyên Quân và Sở Khảo Liệt Vương đang bàn cãi, Mao Toại bèn nói rạch ròi lẽ lợi hại, khiến vua Sở đồng ý liên minh với Triệu. Vì chuyện này mới có thành ngữ *“Mao Toại tự tiến”*. Bình Nguyên Quân là con của Triệu Linh Vương (Triệu Ung), em trai Triệu Huệ Văn Vương (Triệu Đan), từng giữ chức Tể Tướng của hai đời vua Triệu Huệ Văn Vương và Triệu Hiếu Thành Vương. Ông là một chính trị gia nổi tiếng, đồng thời nuôi rất nhiều môn khách (danh sĩ đến làm cố vấn). Bình Nguyên Quân cùng với Mạnh Thường Quân (Điền Văn) nước Tề, Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Ky) nước Ngụy, và Xuân Thân Quân (Hoàng Hiệt) nước Sở nổi tiếng là những người rộng lượng, hiền đức, được người đương thời gọi chung là Chiến Quốc Tứ Công Tử.

gì? Tìm xem kinh sách. Thầy chỉ định những kinh điển nào mong chúng tôi sẽ đọc. Thuở ấy, kinh điển chẳng thể mua từ bên ngoài, chỉ trong chùa miếu mới có Đại Tạng Kinh, phải sao chép từ trong Đại Tạng Kinh ra. Thuở ấy, tôi còn sao chép mười mấy bộ. Đó là gì? Đó là chính mình thuở bé học được đôi chút tôn sư trọng đạo do cha mẹ dạy, sau này đạt được sự tiện nghi ấy, chẳng dễ dàng! Vì thế, thầy đều do từ lễ nghi cung kính mà được thầy hoan hỷ, chịu dạy tôi, chẳng cần đóng học phí, đặc biệt bỏ ra thời gian dạy học, duyên phận ấy hy hữu, khó gặp! Vì thế, cầu thiện tri thức thì phải đầy đủ điều kiện để cầu thiện tri thức, chớ nên không biết!

Tiếp đó là lời hỏi của A Nan, A Nan mở miệng thưa: “*Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định*” (nay đức Thế Tôn nhập đại tịch định). Ở đây, cụ Niệm Tổ có giải thích: “*Ly nhất thiết tán động, cứu cánh tịch tĩnh, vị chi đại tịch*” (Lìa hết thầy tán động, tịch tĩnh rốt ráo thì gọi là “đại tịch”). Tiếp đó là nói: “*Đại tịch định giả, Như Lai sở nhập chi Thiên Định*” (Đại tịch định là Thiên Định được đức Như Lai nhập). Trên thực tế, đại tịch định là gì? Là tự tánh vốn định. Khi kiến tánh, Huệ Năng đại sư đã nói, Ngài báo cáo [tâm đắc với Ngũ Tổ], câu thứ tư là: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”. Đó là đại tịch định, trở về tự tánh. Vì thế, lìa hết thầy tán động, Trần Sa phiến não là Tán, Kiến Tư phiến não là Động. Tịch tĩnh rốt ráo, cảnh giới ấy cao lắm. Chẳng có hai chữ “rốt ráo” thì tịch tĩnh là Bồ Tát, thêm vào hai chữ “rốt ráo” sẽ là Như Lai, cao hơn Bồ Tát, gọi là “đại tịch”. Vì thế, đại tịch định là môn Thiên Định do đức Như Lai đã nhập, là tự tánh vốn định. “*Niết Bàn kinh tap viết*” (kinh Niết Bàn quyển thứ ba mươi chép), đức Phật nói, “*Ngã ư thế gian Sa La song thụ, nhập đại tịch định. Đại tịch định giả, danh Đại Niết Bàn*” (Ta ở rừng Sa La song thụ trong cõi này, nhập đại tịch định. Đại tịch định có tên là Đại Niết Bàn). Kinh Niết Bàn do đức Thế Tôn nói khi Ngài nhập diệt. Thích Ca Mâu Ni Phật rời khỏi thế gian này, người thế gian nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã chết, Phật có sanh tử hay không? Thưa cùng chư vị, chẳng có! Phật chẳng có sanh tử; chúng ta có sanh tử hay không? Nói cho quý vị biết, chúng ta cũng không có sanh tử. Chúng ta sanh tử là thân có sanh tử, nhưng linh hồn chẳng có sanh tử, thật vậy, chẳng giả! Linh hồn hết sức tích cực trong khoảng thời gian và không gian này.

Chúng ta xem quyển sách này, Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê (bí ẩn về đoàn quân đông chinh Trung Quốc của Caesar). Chuyện này được phát hiện gần đây nhất, là chuyện từ hai ngàn một trăm năm trước, là thật, chẳng giả. Đại đế Khải Tát (Caesar) của đế quốc La Mã phái một đoàn quân hơn mười vạn người xâm lược Trung Quốc, quả thật đường sá xa xôi, đội quân đến mười mấy vạn người, theo báo cáo cho biết, kỵ binh là hai phần ba, bộ binh một phần ba. Một đội ngũ khổng lồ chẳng thể

di chuyển quá nhanh. Nếu kỵ binh tiến trước, đằng sau bị lạc khỏi đội ngũ thì không được rồi! Ban đêm đóng quân nghỉ trong lều, đều ở cùng một chỗ. Một đoàn quân khổng lồ như vậy, đi từ La Mã đến Trung Quốc mất hơn một năm. Khi đi đến vùng Tân Cương hiện thời, đoàn quân ấy gần như đã có hai vạn người chết vì bệnh truyền nhiễm. Chúng ta biết họ rời khỏi La Mã, chẳng bổ sung thêm quân, nên số lính một mực giảm bớt, chẳng được bổ sung. Ở Trung Quốc, họ cùng quân Trung Quốc giao chiến tại Tân Cương. Quân đội La Mã được huấn luyện kỹ càng, thuở ấy họ vô cùng nổi tiếng nhất Âu Châu là quân đội rất hung hãn. Vì thế, họ cũng rất kiêu ngạo, coi thường người Hoa, người Hoa nhỏ con hơn họ, vóc dáng lại lùn tịt. Nhưng người Hoa có mưu mẹo, dùng trí để thắng. Đánh một trận đầu với người Hoa, bị chết hơn chín ngàn người. Sau khi giao chiến với Trung Quốc, chẳng dám khinh địch, niềm tin sẽ chiếm lãnh Trung Quốc cũng mất đi, chỉ sợ chẳng có năng lực chiếm đóng Trung Quốc, nhưng mệnh lệnh của đại đế Caesar chẳng thể trái nghịch, cứ tiếp tục tiến về hướng Đông. Đi đến hành lang Hà Tây, tức là đến vùng Cam Túc, quân đội đã mất đi hai phần ba, tử vong vì giao tranh trên đường đi, hoặc tử vong khi hành quân, hoặc tử vong vì bị tai nạn bất ngờ. Đặc biệt là chẳng chịu nổi khí hậu sa mạc, nên tới được Hành Lang Hà Tây, [cả đoàn quân chỉ còn sót lại] gần như chưa tới một vạn người. Cuối cùng, toàn bộ cánh quân ấy bị diệt, rớt cuộc, còn lại hơn một trăm người tự sát tập thể tại Cam Túc, Trung Quốc.

Câu chuyện đã được kể rất rõ ràng, và cũng được kể hết sức tường tận, là thật, chẳng giả. Quý vị thấy quỷ hồn của những người đã chết từ hai ngàn một trăm năm trước, được gọi là “cô hồn dã quỷ”, họ ôm nỗi chấp trước, vẫn [tự coi mình] là một quân đoàn trú đóng tại nơi ấy. Thống soái khá lắm, là con trai thứ ba của Caesar, tức tam vương tử. Binh lính yêu mến vị thống soái này, thống soái cũng yêu thương binh lính. Hiện thời, cánh quân linh hồn ấy đã biến thành du hồn, hết sức tích cực, dựa vào thân một người để kể câu chuyện này. Chúng tôi đến thăm La Mã, đem chuyện này nói với người La Mã, người La Mã có biết hay không? Biết, quả thật là trong lịch sử của họ có ghi chép, sau khi đã phái đi một đạo quân bèn chẳng có tin tức, biến thành một điều bí ẩn. Thuở ấy, người ta tưởng chắc là do bị lạc đường, nên đội quân ấy bị mất tích. Nay thì biết toàn bộ đã chết tại Trung Quốc. Quý vị thấy chuyện cách đây hai ngàn một trăm năm, những linh hồn ấy vẫn còn hết sức tích cực, chẳng giả. Sau khi đã chết, họ biết rất nhiều chuyện, biết gì vậy? Giết người phải đền mạng, cướp đoạt phải đền nợ! Chẳng đạt được tí ti tiện nghi nào! Vì thế, cuốn sách ấy là giáo dục nhân quả. Sau nhiều năm sống trong khổ sở như vậy, họ gặp Phật pháp, bèn quy y Tam Bảo tập thể. Bồ Tát từng bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là chỗ của quý vị, quý vị đến đây làm gì?” Tôi đọc cuốn sách ấy, đối với tôi, câu nói đó có một sự khai thị rất lớn,

nói rõ điều gì? Dùng chiến tranh để cướp đoạt thì [đoạt được] vẫn là do trong mạng quý vị vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Trong mạng chẳng có, dùng phương pháp chiến tranh vẫn chẳng thể đạt được! Vì thế, lập tức khiến cho chúng tôi nghĩ đến người Nhật phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc, đánh nhau tám năm rồi đầu hàng. Trung Quốc chẳng phải là nơi chôn của Nhật Bản, quý vị đến làm gì? Tin tức này cho chúng ta biết: Dùng võ lực chiếm đoạt người khác, rất sai lầm, phạm tội ác rất nặng.

Cổ nhân nói rất hay: “*Mạng lý hữu thời chung tu hữu, mạng lý vô thời mạc cường cầu*” (Trong mạng có, ắt rồi phải có; số đã không có, chớ cưỡng cầu). Quý vị phải tin vào nhân quả báo ứng. Quý vị mong phát tài, trong kinh có lý luận và phương pháp để phát tài. Quý vị học theo thì mới có thể phát tài; đúng lý, đúng pháp thì mới có thể đạt được. Chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, dựa vào phiên não tập khí của chính mình, dùng các thứ thủ đoạn bất chánh để đạt được, vẫn là do trong mạng có. Nếu trong mạng chẳng có, sẽ không đạt được, dẫu đạt được rồi cũng bị mất đi, sao lại khổ sở đến thế? Vì thế, giáo dục nhân quả tốt đẹp lắm, có thể giúp chúng ta sống cuộc đời bình thường. Chúng ta cầu trí huệ, cầu sống lâu, cầu của cải, trong kinh Phật đều có các phương pháp, có lý luận. Hãy đúng lý, đúng pháp mà cầu. “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, chẳng có gì không cầu được. Khó nhất là cầu thành Phật. Quý vị thấy thành Phật mà còn có thể cầu được, những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, thường gọi là “công danh, phú quý”, nhìn theo Phật pháp sẽ toàn là chuyện vật vãnh, quá nhỏ nhoi, lẽ nào chẳng thể cầu được! Vì sao không dùng phương pháp bình thường để cầu, mà cứ phải dùng thủ đoạn phi pháp? Do thủ đoạn phi pháp mà cầu được, là do trong mạng quý vị có, nhưng vẫn là phạm tội! Phạm tội thì tuy quý vị cầu được, trong mạng đã bị chiết khấu, suy giảm, nhưng chính quý vị chẳng biết! Nếu quý vị biết, trong mạng quý vị phú quý là do nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ đã tu tập, tích lũy. Trong Phật pháp có đạo lý to lớn, chớ nên không biết.

Kinh văn đã nêu rõ trạng huống khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Ngài ở trong rừng Sa La Song Thọ, lìa khỏi thế gian ở nơi ấy, nhập đại tịch định. Đại tịch định là Đại Bát Niết Bàn, nhập Vô Dư Niết Bàn, đức Phật đã khuất bóng. Đây là tướng cuối cùng trong tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao phải thị hiện tướng ấy? Nếu đức Phật chẳng thị hiện tướng ấy, thường trụ trong nhân gian, kẻ bình phàm sẽ nảy sinh hiểu lầm: Phật là một vị thần, trường sanh bất lão, làm sao chúng ta có thể làm được? Chúng ta sẽ chẳng dám học tập Ngài. Vì thế, đức Phật thị hiện giống như kẻ bình phàm chúng ta, có sanh, lão, bệnh, tử, mọi người liền tin tưởng. Phật chẳng phải là thần, Phật là người, Ngài có thể làm được, chúng ta cũng có thể làm được, tín tâm bèn mười phần trọn đủ. Đồng thời, Ngài đã ban cho

chúng ta một sự cảnh giác cao độ, lúc quý vị thấy đức Phật tại thế, tuy theo học với Ngài, nhưng chẳng nghiêm túc, giải đãi, lười nhác, tán loạn. Đức Phật đã tịch rồi, đức Phật đã khuất bóng thì không còn chỗ nương cậy, nếu không nghiêm túc nỗ lực, mai sau sẽ xoay sở ra sao? Kích động, phát khởi đạo tâm nghiêm túc tu học của chính mình! Có hai thứ ý nghĩa như vậy, khiến cho chúng ta biết đức Phật chẳng thường trụ lâu dài trong nhân gian, Phật sẽ ra đi, chúng ta phải nắm chặt thời tiết nhân duyên này! Sau khi đức Phật đã khuất bóng, Ngài có dạy chúng ta, pháp vận của lão nhân gia dài đến một vạn hai ngàn năm. Pháp vận, nói theo cách hiện thời, sẽ là “*sức ảnh hưởng*”. Nói theo phương diện không gian, Ngài có sức ảnh hưởng trên cả thế giới. Nói theo phương diện thời gian, Ngài có sức ảnh hưởng suốt một vạn hai ngàn năm. Đó là đại đức. Chẳng phải là đại đức thì làm sao có thời gian ảnh hưởng lâu dài như thế?

Chúng ta hiểu rõ, chỉ biết Phật giáo hiện thời tuy suy vi, pháp vận của đức Phật hãy còn kéo dài tới tám ngàn năm sau. Pháp vận của đức Phật có lúc lên cao, có khi xuống thấp, hiện thời nhằm lúc thoái trào, trong tương lai sẽ có cao trào hay chững? Khẳng định là có. Nhưng chúng ta nhất định phải nhận biết Phật pháp là giáo dục, quyết định chẳng phải là tôn giáo, phải hiểu rõ điều này. Phật giáo thừa nhận trong vũ trụ có thần, có quý thần, có thiên thần, có Phật, Bồ Tát trong các thế giới phương khác, đó là vũ trụ quan Phật giáo. Nhưng Phật trọn chẳng sùng kính thần, chư vị phải biết điều này. Nói đúng ra là quan hệ giữa chúng ta và Phật giống như quan hệ giữa người và người, chỉ là chúng sanh trong các chiều không gian khác nhau. Dục Giới Thiên và Sắc Giới Thiên khác chiều không gian với chúng ta. Quý thần cũng chẳng thuộc cùng một kích thước không gian với chúng ta. Nếu chúng ta có thể đột phá các chiều không gian, quý vị có thể thấy trọn vẹn. Có năng lực đột phá hay không? Có năng lực, tâm thanh tịnh hiện tiền, thời gian và không gian đều chẳng có. Nói theo Phật pháp, quý vị có thể chứng đắc quả vị A La Hán, có thể siêu việt thời gian và không gian. Bồ Tát có năng lực lớn hơn nữa, năng lực của Phật trọn khắp pháp giới, hết thảy chướng ngại đều chẳng có. Vì lẽ đó, bao nhiêu là thiên thần và quý thần đều là đệ tử Tam Bảo, quy y Phật Đà, họ cũng nghe kinh, nghe pháp, cũng tu hành, cũng niệm Phật, người cầu sanh Tịnh Độ cũng rất nhiều. Quý thần đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng phát tâm thì ngay cả quý thần cũng chẳng sánh bằng, chớ nên không hiểu đạo lý này!

Tiếp theo là: “*Hựu Chân Giải vân: Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh dã. Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội*” (Sách Chân Giải lại viết: “*Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội. Nay*

đức Phật vì để nói pháp môn Niệm Phật bền trụ trong Niệm Phật tam-muội”). Cách giải thích càng ngày càng gần gũi Tịnh Tông. Phổ Đẳng tam-muội: Phổ (普) là phổ biến, trọn khắp pháp giới là Phổ; Đẳng (等) là bình đẳng. Ba căn đều thích hợp trọn khắp, thấu gồm toàn bộ lợi căn và độn căn, đó là Đẳng. Bất luận căn tánh như thế nào, pháp môn Niệm Phật vắng sanh Tịnh Độ là phổ đẳng, tức là chẳng có mảy may sai biệt, phổ biến bình đẳng. Chỉ cần quý vị gặp gỡ, chỉ cần quý vị có thể tin, hiểu, thật tu, chẳng có ai không vắng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào không thành Phật. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật có sớm hay muộn, đó là do mỗi người siêng năng hay lười biếng khác nhau. Dũng mãnh, tinh tấn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành Phật rất nhanh. Giải đãi, lười biếng, tán loạn, chẳng sốt sắng, sẽ chẳng bị thoái chuyển, [chỉ là] tiến bộ chậm hơn, nhưng vẫn thành Phật. Do đó nói pháp môn này là pháp môn Phổ Đẳng, còn đến đâu để tìm nữa? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, có rất nhiều môn bất bình đẳng, có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng căn, kẻ bình phàm chẳng tu được. Có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng căn, kẻ trung hạ chẳng có phần. Có những pháp môn thích hợp kẻ hạ căn, người thượng căn cũng chẳng thể học. Ví như trong kinh Tiểu Thừa, có rất nhiều kinh giảng pháp nhân thiên, những bậc thượng căn biết sanh thiên chẳng rớt ráo, nên chẳng muốn học. Chẳng giống như pháp môn Tịnh Tông, pháp môn này đúng là Phổ Đẳng tam-muội, học pháp môn này bình đẳng. Chúng ta chọn cách trì danh niệm Phật. Trong Thập Lục Quán Kinh, Trì Danh Niệm Phật là phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu. Được liệt kê cuối cùng thì cũng là pháp môn kỳ lạ, đặc biệt nhất. Đối với chuyện này, Cổ Ấn Độ và Trung Hoa có nhiều chỗ rất giống nhau, khi diễn xuất nghệ thuật, màn biểu diễn hay nhất được đặt cuối cùng, người Ấn Độ cũng giống như vậy. Vì thế, phép Quán cuối cùng trong mười sáu phép Quán sẽ là pháp môn trọng yếu nhất và thù thắng nhất trong mười sáu phép Quán, tức là Trì Danh Niệm Phật. Trước nó, có các phép Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, cuối cùng là Trì Danh Niệm Phật, chúng ta phải biết đạo lý này.

Kinh dạy: “*Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh*” (Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội), là biệt danh. Phổ Đẳng tam-muội là Niệm Phật tam-muội, kinh còn gọi nó là Đại Tịch Định. “*Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội*” (nay vì nói pháp môn Niệm Phật, đức Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội): Trong pháp hội hiện thời, đức Phật vì đại chúng nói pháp môn Niệm Phật, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cận kề cùng đại chúng. Phật trụ ở nơi đâu? Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội. “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ

Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật), tin tức này nhằm bảo với chúng ta: Trong tâm chúng ta tưởng Phật, miệng niệm Phật, được Phật lực gia trì; hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật là Phật lực gia trì. Phật ở chỗ nào? Không nơi đâu, Phật chẳng hiện diện, không lúc nào chẳng tồn tại. Thiền sư Trung Phong bảo chúng ta: “*Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”. Vì thế, Phật không lúc nào chẳng hiện diện, không nơi đâu chẳng hiện hữu. Phật do đâu mà có? Phật là tự tánh biến hiện. “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, “*tâm ta chính là Di Đà, Di Đà chính là tâm ta*”. Quý vị thấy đó: Nói rất rõ ràng, rất minh bạch, những đoạn kinh văn khai thị ấy đã giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Khi trước, tôi thường nói: Chúng ta mong mỗi xã hội an định, thế giới hòa bình, phải như thế nào thì mới thực hiện được? Người trên thế giới ai nấy đều có thể làm tròn những việc thuộc về bổn phận của chính mình, điều này rất trọng yếu. Tương thân, tương ái những người có nghề nghiệp khác biệt, cùng nhau hợp tác, xã hội sẽ an định, phồn vinh, thế giới cũng thật sự hài hòa, mà cũng chẳng có tai nạn, [các tai nạn đã bị] hóa giải rồi! Mỗi người thực hiện tốt đẹp những chuyện thuộc bổn phận, bổn phận của người xuất gia học Phật là gì? Bổn phận là giảng kinh, giáo học, bổn phận là như vậy đó! Xuất gia thì phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tại gia phải học theo cư sĩ Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma là đức Phật tại gia, Thích Ca Mâu Ni Phật là Phật xuất gia, các Ngài có cùng đẳng cấp, chẳng có cao thấp!

Từ kinh điển, từ kinh Duy Ma Cật, chúng ta thấy cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thuyết pháp, các vị Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đến nghe kinh. Quý vị thấy các Ngài đối với cư sĩ Duy Ma lễ kính, đánh lễ ba lạy, nhiều theo chiều bên phải ba vòng, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Sự biểu diễn ấy nhằm bảo chúng ta: Phật giáo là sư đạo, là giáo dục. Trong sư đạo, thầy lớn nhất, tôn sư trọng đạo. Chẳng thể nói quý vị là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến chỗ cư sĩ Duy Ma nghe kinh, sẽ cao hơn người ta một bậc. [Nếu nghĩ như vậy] trật mất rồi! Chẳng có đạo lý ấy! Vì thế, người thăng tòa giảng kinh là lớn nhất. Cư sĩ Duy Ma là nam tử. Nếu là nữ chúng tỳ-kheo-ni thăng tòa giảng kinh, nam chúng đến nghe kinh, phải ghi nhớ: “Thầy luôn là lớn nhất!” Chẳng còn phải bàn ra tán vào chi nữa! Bà ta thăng tòa, đại diện cho Phật giảng kinh, giáo học, tỳ-kheo trông thấy phải lễ bái. Không lễ bái tức là chẳng tôn trọng pháp! Vị tỳ-kheo-ni ấy lại chẳng dám nhận lễ, làm như thế nào? Đặt trên giảng đài, trước mặt vị ấy một bức tượng Phật. Khi người ta lạy sẽ là lạy tượng Phật, ta ở sau tượng Phật, cách làm này cũng đúng pháp, cũng rất tốt. Trước giảng đài thờ tượng Phật, khi tỳ-kheo đến sẽ bái Phật. Do đó, Phật pháp có phương tiện thiện xảo, chẳng đánh mất tâm cung kính. Vì tâm cung kính, chẳng phải chỉ là cung kính pháp, cung kính thầy, mà còn khiến cho đại chúng đều trông thấy, làm cho đại

chúng đều học tập, người lên đài thăng tòa đại diện cho Phật! Khi vị thầy của chính mình nếu đến nghe [học trò giảng] kinh thì cũng phải đối trước [người giảng] xá chào, cung kính Tam Bảo. Đó là biểu diễn, thường nói là làm Ảnh Hưởng Chúng, đều nhằm hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh. Vì vậy, dụng ý biểu thị pháp rất sâu.

“*Cổ tri đại tịch định, thông thuyết tức vi Phật chi Thiên Định, danh Đại Bát Niết Bàn. Nhược án kim kinh, tắc chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội xưng Bảo Vương tam-muội, vi tam-muội trung vương. Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội*” (Như vậy, Đại Tịch Định nói chung là một thứ Thiên Định của Phật mang tên Đại Niết Bàn. Nếu xét theo kinh này, chữ “*đại tịch định*” chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương tam-muội, là vua trong các tam-muội. Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Độ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội). Ý nghĩa này rất sâu, từ danh xưng của tam-muội, chúng ta có thể thấu hiểu, “*kim kinh*” là nói đến kinh Vô Lượng Thọ, nói về điều gì? Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương, hai chữ này rất khó có. Bảo (寶) là tỷ dụ, hình dung pháp môn này quý báu. Quý vị thấy bảy báu trong thế gian, vàng, bạc, lưu ly, mã não... Quý vị có được bảy báu, sẽ xa lìa sự nghèo cùng thiếu thốn trong cuộc sống vật chất, đạt được của cải, giàu có. Ở đây, chữ Bảo chỉ Phật pháp. Phật pháp còn trân quý hơn bảy báu của thế gian. Của báu trong thế gian có thể giúp đỡ thân mạng, khiến cho thân mạng quý vị sống thoải mái. Pháp Bảo có thể giúp đỡ huệ mạng, cũng có nghĩa là Pháp Bảo đem lại cuộc sống tinh thần còn thù thắng hơn cuộc sống vật chất. Cuộc sống vật chất dầu phong phú cách mấy đi nữa mà chẳng có cuộc sống tinh thần; đó gọi là “giàu mà không vui”. Người ấy tuy giàu có, tuy địa vị rất cao, sống cuộc đời rất nhọc nhằn. Chúng ta thường thấy chuyện này, trong xã hội, gần như mỗi ngày quý vị đều thấy như vậy. Họ sống cuộc đời chẳng vui sướng, chẳng hạnh phúc! Người có cuộc sống tinh thần phong phú, sẽ sung sướng. Tuy nghèo cùng, chẳng có của cải, hèn mọn, chẳng có địa vị, [tức là] chẳng có địa vị trong xã hội, chẳng có tài sản, nhưng mỗi ngày sống vui sướng. Niềm vui do đâu mà có? Niềm vui sanh từ trí huệ, trí huệ là cội nguồn của cuộc sống tinh thần, thật sự đem lại hạnh phúc mỹ mãn, vui sướng vô cùng! Nói nông cạn, người có trí huệ chẳng tạo nghiệp. Không tạo nghiệp sẽ chẳng hứng chịu khổ báo, tương lai chẳng có thân này, tuyệt đối không vào ba ác đạo. Tâm địa thanh tịnh, người công phu tốt đẹp một chút sẽ biết chính mình đến đâu, không nhất định phải là học Phật thì mới biết trước lúc mất, người chẳng học Phật cũng tự biết trước lúc mất. Có nhiều người sanh lên cõi trời, lúc mạng chung, chư thiên đến tiếp dẫn, đồng nam đồng nữ cõi trời đến tiếp dẫn người ấy vãng sanh, biết sẽ ra đi khi nào.

Phước báo cõi trời lớn hơn nhân gian nhiều lắm, tâm địa cũng thanh tịnh hơn nhiều! Người công phu tu hành tốt đẹp, chứng đắc quả vị, lại càng chẳng cần phải nói nữa. Có A La Hán tiếp dẫn, thiện thần tiếp dẫn, Bồ Tát tiếp dẫn. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị thấy thù thắng dường ấy. Đó gọi là Bảo Vương tam-muội.

Tu Niệm Phật tam-muội như thế nào? Kinh dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm*”. Khi nào sẽ đắc tam-muội? Tam-muội là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chánh Thọ, hoặc Chánh Định. Thọ (受) là hưởng thụ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ đúng đắn. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Lục đạo phàm phu hưởng thụ cuộc sống hằng ngày bất bình thường! Đức Phật nói có năm thứ [cảm thụ], thân có khổ vui, tâm có lo mừng. Vì thế, năm thứ cảm thụ ấy là nói gộp thân và tâm lại, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Chữ cuối cùng là Xả, tức là thân chẳng có khổ, vui, tâm cũng chẳng có lo, mừng; nay khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, nên gọi là Xả Thọ. Trên thực tế, Xả Thọ và Chánh Thọ hết sức gần gũi, vì sao chẳng gọi Xả là Chánh? Vì thời gian Xả rất ngắn, rất nhanh, quý vị lại có khổ, lạc, ưu, hỷ. Chánh Thọ là khổ, lạc, ưu, hỷ thật sự chẳng có. Chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì gọi là Chánh Thọ. Chánh Thọ là như trong tựa đề kinh có nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh tịnh là Chánh Thọ của A La Hán và Bích Chi Phật, là cảnh giới tam-muội của các Ngài. Bình đẳng là Chánh Thọ của Bồ Tát. Giác là Chánh Thọ của chư Phật, chúng ta thường nói là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Đạt đến giác, đương nhiên thanh tịnh và bình đẳng đều trọn đủ. Đạt đến bình đẳng, chẳng đạt được giác. Đạt được bình đẳng bèn có thanh tịnh, điều sau bao gồm điều trước, điều trước chẳng bao gồm điều sau. Do đó, pháp môn Niệm Phật được gọi là Bảo Vương tam-muội, điều này quá khó có, hy hữu! “*Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội*” (Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Độ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội); do đó mới có chuyện kỳ đặc phóng quang, hiện tướng lành, đó là tự nhiên cảm ứng, đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta nhất định phải biết điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

HẾT TẬP 140